

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2021.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 363/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2020, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Danh Thị Khàn Th – sinh năm 1988, có mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn Ph - sinh năm 1983, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp 5, xã V, huyện G, tỉnh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Trụ sở: Số 169 phố L, phường H, quận M, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th1 – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Triều Qu – sinh năm 1980 – Chức vụ: Giám đốc ngân hàng C – Phòng giao dịch G, có mặt.

Địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Danh Thị Khàn Th như sau:

Bà kết hôn với ông Ngô Văn Ph vào năm 2005, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G.

Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi. Ông Ph uống rượu say về đuổi bà, bà ốm con đi thì ông Ph cầm dao

ruột theo nên bà bỏ về nhà cho mẹ ruột sống và vợ chồng bà ly thân với nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay. Bà nhận thấy vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm yêu thương gì đối với ông Ph nên bà xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn Ph.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 03 con chung với nhau tên Ngô Thị Kim T – sinh ngày 07/9/2012 và Ngô Văn Đ - sinh ngày 08/01/2007 hiện đang sống chung với ông Ph, Ngô Văn L – sinh ngày 06/9/2008 hiện đang sống chung với bà Th.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng bà có vay Ngân hàng C– Phòng giao dịch G số tiền 20.000.000 đồng để xây nhà vệ sinh và khoan cây nước. Hồ sơ vay do bà tự ký vay ông Ph không có ký hồ sơ vay cũng không nhận tiền.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Ngô Văn Ph.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung tên Ngô Văn L – sinh ngày 06/9/2008. Bà Danh Thị Khàn Th đồng ý giao con chung tên Ngô Văn Đ - sinh ngày 08/01/2007 và Ngô Thị Kim T – sinh ngày 07/9/2012 cho ông Ph nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà tự nguyện trả hết số nợ vay Ngân hàng Chính sách Xã hội và không yêu cầu ông Ph phải có nghĩa vụ trả nợ chung.

Bị đơn ông Ngô Văn Ph trình bày tại biên bản hòa giải ngày 17/12/2020 như sau: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm. Về nợ chung ông không có vay Ngân hàng. Về mâu thuẫn gia đình thì ông thừa nhận vợ chồng ông cũng thường gây gổ.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Danh Thị Khàn Th.

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung Ngô Văn L – sinh ngày 06/9/2008 cho bà Danh Thị Khàn Th nuôi dưỡng và xin nuôi con chung tên Ngô Văn Đ - sinh ngày 08/01/2007 và Ngô Thị Kim T – sinh ngày 07/9/2012, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông không thừa nhận số nợ Ngân hàng C là nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày: Vào ngày 18/12/2019, Ngân hàng có cho hộ ông Ngô Văn Ph và bà Danh Thị Khàn Th vay 20.000.000 đồng để làm cây nước và nhà vệ sinh. Hiện nay hộ ông Ph, bà Th còn nợ Ngân hàng số tiền 19.000.000 đồng vốn, nay Ngân hàng thống nhất cho bà Th đứng ra trả hết số nợ vay cho Ngân hàng là 19.000.000 đồng vốn cộng với lãi phát sinh đến ngày 26/01/2021 là 181.712 đồng và tiếp tục chịu lãi đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa bà Danh Thị Khản Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cương quyết xin ly hôn với ông Ngô Văn Ph. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà thống nhất theo nội dung biên bản hòa giải ngày 17/12/2020. Bà cam kết trả hết số nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng vào ngày 30/3/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng Chính sách Xã hội thống nhất cho bà Danh Thị Khản Th phải trả hết số nợ hiện còn nợ Ngân hàng là 19.000.000 đồng cùng lãi suất đến ngày 26/01/2021 là 182.712 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày trả nợ 30/3/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp của bà Danh Thị Khản Th và ông Ngô Văn Ph là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Ngô Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Ngô Văn Ph theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Danh Thị Khản Th và ông Ngô Văn Ph kết hôn với nhau vào năm 2005, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 160/2010, ngày 11/9/2010, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Danh Thị Khản Th và ông Ngô Văn Ph là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy vợ chồng bà Th và ông Ph có thời gian sống hạnh phúc 14 năm nhưng do cá tính nên vợ chồng không nhường nhịn, yêu thương nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà Th cho rằng vợ chồng bà không hợp nhau vì ông Ph và bà không có tiếng nói chung nên thường hay cự cãi, ông Ph còn cầm dao đuổi bà về nhà cha mẹ nên từ đó vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay. Ngày 17/12/2020 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Th vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu và cương quyết xin ly hôn với ông Ph. Xét thấy vợ chồng bà Th và ông Ph đã sống ly thân với nhau gần 01 năm nay không tự hàn gắn được, trong thời gian sống ly thân vợ chồng ông bà không thường xuyên liên lạc với nhau cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, tại phiên tòa bà Th tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Ph vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

[4] Về con chung: Bà Danh Thị Khản Th và ông Ngô Văn Ph có con 03 người con chung gồm Ngô Thị Kim T – sinh ngày 07/9/2012 và Ngô Văn Đ - sinh ngày 08/01/2007 hiện đang sống chung với ông Ph, Ngô Văn L – sinh ngày 06/9/2008 hiện đang sống chung với bà Th.

Bà Danh Thị Khản Th và ông Ngô Văn Ph thống nhất giao cháu Ngô Văn L – sinh ngày 06/9/2008 cho bà Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Ngô Văn Đ - sinh ngày 08/01/2007 và Ngô Thị Kim T – sinh ngày 07/9/2012 cho ông Ph nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Ph và bà Th không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hơn nữa, cháu L có nguyện vọng sống chung với bà Th, cháu Đ và T có nguyện vọng sống chung với ông Ph nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về nợ chung: Bà Danh Thị Khản Th tự nguyện trả hết số nợ vay Ngân hàng C bằng 19.000.000 đồng vốn cùng lãi phát sinh đến ngày 26/01/2021 là 182.712 đồng và không yêu cầu ông Ngô Văn Ph cùng trả nợ chung. Tại phiên tòa Ngân hàng C và bà Th thống nhất với nhau như sau: Bà Danh Thị Khản Th trả hết số tiền đã vay bằng 19.000.000 đồng cùng với lãi suất tính đến ngày 26/01/2021 là 182.712 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng vào ngày 30/3/2021 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của bà Th và Ngân hàng.

[6] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà Th phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[7] Về tài sản chung: Bà Danh Thị Khản Th và ông Ngô Văn Ph đều xác định vợ chồng bà không có tài sản chung nên ông bà không yêu cầu vì vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Danh Thị Khản Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0009561, ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 959.000 đồng (19.182.712 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Điều 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị Khản Th.

Về hôn nhân: Xử cho bà Danh Thị Khản Th và ông Ngô Văn Ph được ly hôn với nhau.

Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Danh Thị Khản Th và ông Ngô Văn Ph: Giao cháu Ngô Văn L – sinh ngày 06/9/2008 cho bà Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Ngô Văn Đ - sinh ngày 08/01/2007 và Ngô Thị Kim T – sinh ngày 07/9/2012 cho ông Ph nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Ph và bà Th không ai phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông bà được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được phép ngăn cản ông bà thực hiện quyền này.

Các đương sự được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của Bà Danh Thị Khản Th và ngân hàng Chính sách Xã hội như sau: Bà Danh Thị Khản Th trả hết số tiền đã vay bằng 19.000.000 đồng cùng với lãi suất tính đến ngày 26/01/2021 là 182.712 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng vào ngày 30/3/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Danh Thị Khản Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về tài sản chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Danh Thị Khản Th phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0009561, ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Buộc bà Danh Thị Khản Th phải nộp 959.000 đồng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;

- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang